

Bản tin chứng khoán

Trong số này

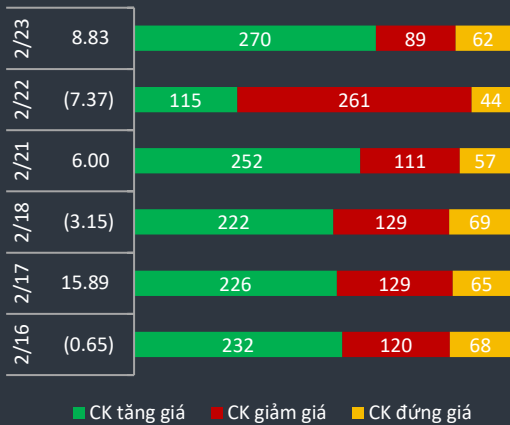
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

DXG		72.93
VJC		53.55
VHM		49.51
GMD		33.61
DCM		30.28
CTG		24.62
TPB		23.25
KBC	(22.24)	
NVL	(24.20)	
VGC	(27.39)	
MSN	(36.28)	
PLX	(49.77)	
VNM	(83.28)	

Thị trường giao dịch khởi sắc trở lại trong hôm nay dù tình hình chính trị thế giới vẫn chưa có biến chuyển gì khả quan hơn. Độ rộng thị trường nở rộng với gần 300 mã tăng so với chỉ chưa đến 100 mã giảm. Dù vậy chỉ số Vnindex vẫn giữ mức xanh nhẹ nhàng dưới 10 điểm.

Cổ phiếu VN30 có hơn ¼ mã xanh tuy nhiên những big cap lớn như VNM, VHM, VCB, MSN, BID lại đứng giá hoặc giảm nhẹ. Những mã tăng tốt nhất như TPB, BVH, POW, VRE cũng chỉ xanh nhẹ gần 2% vì vậy không thúc đẩy nhiều chỉ số Vnindex.

Nhóm dầu khí đã dẫn đầu thị trường trong 3 phiên gần đây và hôm nay nhiều cổ phiếu đã vượt trần dư mua hàng loạt như PVS, PVD, PVT, PVB, ASP. Hầu như những cổ phiếu ngành dầu khí hay có liên quan đều tăng giá ít nhất cũng trên 2%. Nhóm phân bón DPM, DCM cũng bất ngờ nhận lực cầu lớn cuối phiên và chạm trần.

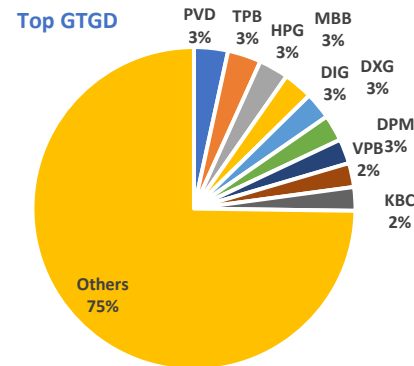
Cổ phiếu ngân hàng xanh nhẹ ở nhóm bank nhỏ như KLB, SGB, TPB, NAB, BVB trong khi nhóm bank lớn như HDB, TCB, CTG, OCB chỉ xoay quanh tham chiếu.

Nhóm cổ phiếu bán lẻ mà đại diện là MWG, DGW có phần chững lại hôm nay. FRT xanh nhẹ lên 116 và tiếp tục vượt đỉnh cao nhất lịch sử. Ngược lại PET có phiên tăng trần dư mua thứ hai lên 51.5. PNJ lạt mắt mốc 110 và giảm nhẹ. PNJ vừa báo cáo nhanh kết quả kinh doanh tháng 1 với doanh thu thuần đạt 3.476 tỷ đồng, tăng 60,2% và lợi nhuận sau thuế đạt 270 tỷ đồng, tăng 60,7% so với cùng kỳ do sự tăng trưởng mạnh từ kênh bán lẻ. Tính đến hết tháng 1, hệ thống PNJ có 338 cửa hàng bao gồm 319 cửa hàng PNJ Gold, 10 cửa hàng PNJ Silver, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 3 cửa hàng PNJ Art, 2 cửa hàng PNJ Style và 1 cửa hàng PNJ Watch.

HDQT của PNJ cũng thông qua phương án phát hành riêng lẻ tối đa 15 triệu cổ phiếu, tương đương 6,6% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá chào bán là 95.000 đồng/cp, tương ứng với số tiền dự kiến thu được là 1.425 tỷ đồng. Mức giá chào bán này thấp hơn gần 11% so với giá cổ phiếu PNJ chốt phiên 21/2 (106.500 đồng/cp).

Vnindex 1,512.3

▲ +8.83 (+0.59%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
REE	74.5	2,900	4.05
VJC	148.2	5,400	3.78
TPB	42.6	1,100	2.65
BVH	57.6	1,300	2.31
POW	18.2	350	1.97
BCM	83.2	1,500	1.84
VRE	34.9	400	1.16
VPB	35.9	350	0.98
DHG	115.0	1,000	0.88
VIB	46.9	400	0.86
SAB	169.8	1,400	0.83
PLX	62.5	500	0.81
CTG	34.9	250	0.72
SSI	45.3	300	0.67
HPG	46.7	300	0.65
VIC	82.5	500	0.61
TCB	51.7	300	0.58
HVN	26.3	150	0.57
GAS	117.0	500	0.43
HDB	29.7	100	0.34
PDR	90.0	200	0.22
VHM	79.4	100	0.13
VCB	86.9	100	0.12
FPT	93.0	100	0.11
MWG	137.8	100	0.07
GVR	34.3	-	-
VNM	80.0	-	-
MBB	34.4	(50)	(0.15)
MSN	157.2	(300)	(0.19)
ACB	34.6	(100)	(0.29)
STB	33.6	(100)	(0.30)
PNJ	109.6	(400)	(0.36)
BID	45.6	(400)	(0.87)
NVL	77.4	(700)	(0.90)

Dầu thô Brent tăng 30 US cent, tương đương 0,3%, lên 97,14 USD/thùng, sau khi tăng vọt lên 99,50 USD vào thứ Ba, mức cao nhất kể từ tháng 9/2014. Việc Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các nhà sản xuất lớn ngoài khối (nhóm OPEC+) vẫn chận vật tìm cách đảm bảo hạn ngạch sản xuất đã tạo ra thâm hụt năng lượng nghiêm trọng trên toàn cầu cũng tác động đến giá dầu tăng.

Với tình hình hiện tại nhóm cổ phiếu dầu khí sẽ tiếp tục được hưởng lợi dù rằng về thực tế phải mất từ 6 tháng trở lên những yếu tố giá dầu mới tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thị trường đang hướng về ngưỡng 1520 – 1530 là vùng kháng cự khá mạnh trong ngắn hạn. Việc chốt lãi một phần cũng nên cân nhắc đối với các nhà đầu tư ngắn hạn. Các nhóm cổ phiếu ưu tiên nắm giữ hiện tại là nhóm dầu khí, phân bón, bán lẻ, dệt may, thủy sản và chứng khoán như PVS, GAS, PVT, DPM, DCM, DGW, FRT, PET, TNG, TCM, VHC, FTS, VCI, MBS.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	67.2	(0.6)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	0.3%
KBC	57.3	(0.7)	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	2.3%
HPG	46.7	1.5	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	3.8%
FTS	58.6	9.5	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	12.7%
TNG	33.2	4.7	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	14.5%
DPM	50.7	4.8	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	20.7%
VCI	61.3	3.4	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	5.7%
GVR	34.3	1.5	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	7.2%
REE	74.5	3.0	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	14.6%
NLG	54.8	0.2	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	3.4%
OCB	27.5	0.7	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	2.2%
TCB	51.7	0.2	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	3.4%
CTG	34.9	0.6	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-0.3%
STK	55.8	5.3	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	5.3%
VIB	46.9	2.9	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-0.2%
MBB	34.4	5.2	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	18.6%
MWG	137.8	3.7	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	2.1%

Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
Tổng Cộng	1047	2,883,939	3,455,002	19.8%	301,739	428,084	41.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Phân bón	5.52
Dầu khí	4.54
Viễn thông	3.02
Nước	2.98
Khoáng sản	2.42
Bán lẻ	2.36
Hàng cá nhân & Gia...	2.14
Vận tải - Logistics	1.81
Bất động sản KCN	1.80
Thủy sản	1.59
Truyền thông	1.54
Hóa chất	1.53
Xây dựng	1.43
Bất động sản	1.37
Y tế	1.34
Bao bì	1.31
Tài nguyên Cơ bản	1.27
Công nghệ Thông tin	1.17
Cao su	0.92
Sản xuất và KD Thép	0.86
Thực phẩm và đồ...	0.72
Du lịch và Giải trí	0.68
Dịch vụ tài chính	0.68
Vật liệu xây dựng	0.61
Hàng & Dịch vụ...	0.60
Đệt May	0.58
Bảo hiểm	0.50
Ngân hàng	0.48
Điện	0.44
Ô tô và phụ tùng(0.45)	

GAS - Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Đặt mục tiêu kế hoạch năm 2022 với tổng doanh thu hơn 80.000 tỷ đồng (đi ngang); lợi nhuận sau thuế 7,039 tỷ đồng (giảm 20%); giá trị giải ngân đầu tư xây dựng (Công ty mẹ) 4.522 tỷ đồng. GAS cũng xây dựng 2 kịch bản cho năm 2022 dựa trên nhu cầu điện toàn quốc tăng 8,2% và 12,4% so với năm 2021.

MWG - CTCP Đầu tư Thế giới di động – Đã thông qua phương án phát hành hơn 19,2 triệu cổ phiếu ESOP, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 3 và tháng 4/2022.

COM - CTCP Vật tư – Xăng dầu - Ngày 18/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 21/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 07/4/2022.

PVD - Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí - Nhằm chi trả cổ tức năm 2019 và 2020, PVD dự kiến phát hành thêm 84,2 triệu cp, tương ứng tỷ lệ 20%. Thời gian thực hiện trả cổ tức dự kiến trước 30/06/2022, sau khi được UBCKNN chấp thuận. Khi hoàn tất, vốn điều lệ PVD sẽ tăng lên trên 5 ngàn tỷ đồng.

DRH - CTCP DRH Holdings – Đã thông qua chủ trương phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, có đảm bảo bằng tài sản với tổng mệnh giá 400 tỷ đồng, kỳ hạn 24 tháng. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý I/2022.

HAP - CTCP Tập đoàn Hapaco - Ngày 22/2, HĐQT đã có nghị quyết dự kiến chủ trương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 về việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%.

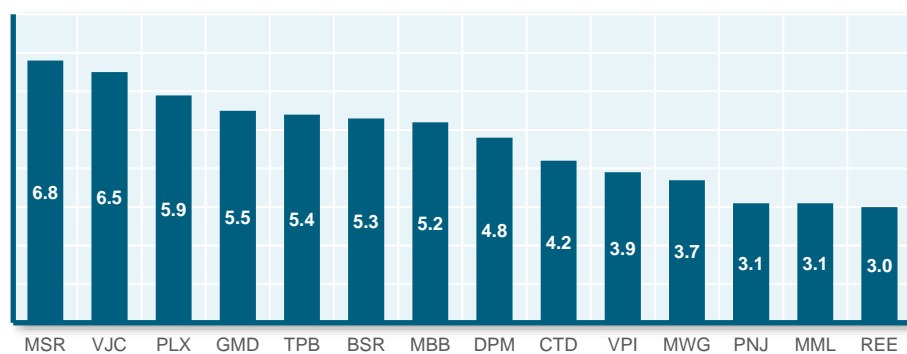
HEV - CTCP Sách Đại học – Dạy nghề - Ngày 07/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 08/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 14%, thanh toán bắt đầu từ ngày 31/3/2022.

SVD - CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng - Công ty dự kiến phát hành 12,9 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 1:1, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được hưởng quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới. Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

VIB - Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - VIB dự trình ĐHCĐ về kế hoạch lợi nhuận 10.500 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2021. Các chỉ tiêu về tổng tài sản, tổng dư nợ tín dụng và huy động vốn đều tăng 30%, lần lượt là 402.500 tỷ đồng; 265.600 tỷ đồng và 280.600 tỷ đồng. Trong đó, mức tăng trưởng tổng dư nợ tín dụng có thể được điều chỉnh tùy thuộc vào giới hạn cho phép của NHNN.

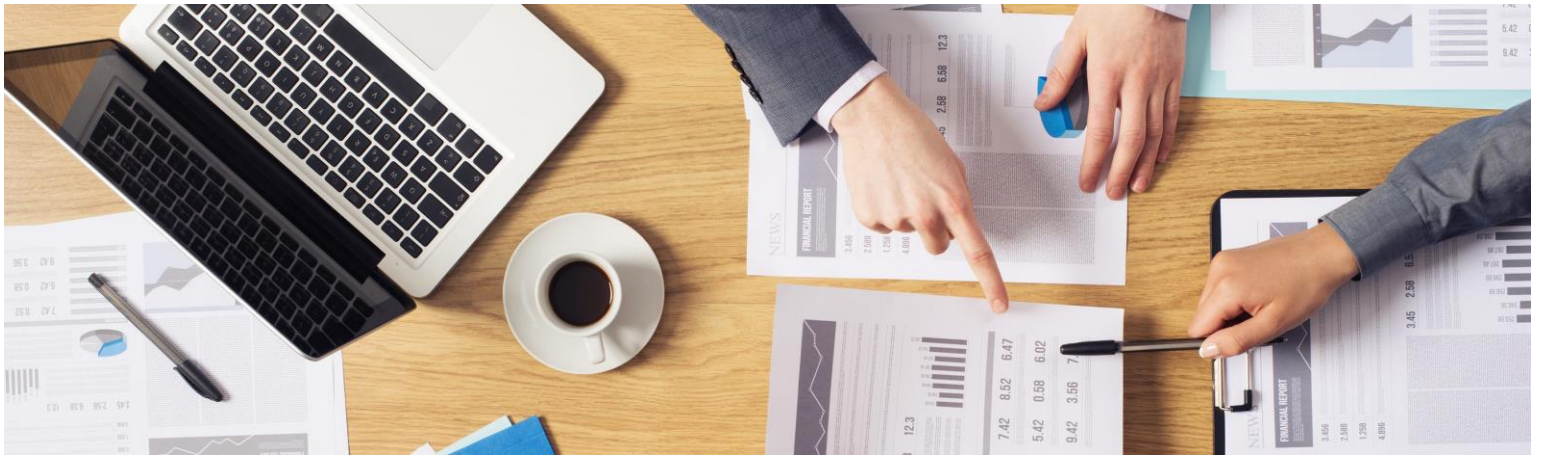


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	35.9	13,643,600	13.7	1.9	-	25,000	159,592	17.01	2,621	19,187
VIB	HOSE	46.9	1,991,300	11.4	3.0	35,100	2,400	72,842	20.48	4,127	15,640
VCB	HOSE	86.9	986,300	14.7	2.9	520,700	588,400	411,256	23.65	5,907	29,974
VBB	UPCOM	17.6	33,741	16.6	1.5	-	-	8,407	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	15.3	710,786	10.4	1.1	-	-	8,261	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	42.6	16,076,300	14.0	2.6	601,600	51,900	67,383	29.70	3,054	16,430
TCB	HOSE	51.7	6,188,300	10.1	2.0	-	-	181,514	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	33.6	13,866,100	18.6	1.8	132,200	209,300	63,343	18.84	1,810	18,174
SSB	HOSE	36.5	2,470,400	20.7	2.9	-	-	53,891	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	22.1	10,010,300	11.8	1.7	1,100	300	58,938	3.33	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.7	228,100	-	1.6	-	-	5,760	0.02	398	12,042
PGB	UPCOM	33.8	59,454	38.5	2.4	-	-	10,140	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	27.5	2,326,100	8.6	1.7	5,000	-	37,603	22.00	3,216	15,917
NVB	HNX	31.7	56,345	-	3.0	-	-	12,896	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	20.7	221,869	-	-	1,300	-	10,628	(3.29)	-	-
MSB	HOSE	27.3	9,718,900	10.3	1.9	-	-	41,701	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	34.4	17,315,400	10.2	2.1	-	40,000	129,785	23.24	3,361	16,538
LPB	HOSE	23.6	9,124,600	9.9	1.7	1,600	1,600	29,231	5.00	2,387	13,960
KLB	UPCOM	26.5	144,917	12.6	2.1	-	-	9,579	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	29.7	4,830,000	9.8	1.9	807,100	1,091,200	59,662	16.73	3,016	15,339
EIB	HOSE	33.0	347,400	42.2	2.3	22,400	14,300	40,571	29.68	781	14,395
CTG	HOSE	34.9	6,729,000	11.9	1.8	1,151,000	446,800	167,480	26.00	2,932	19,488
BVB	UPCOM	21.0	4,759,618	31.0	1.7	-	-	7,709	0.10	678	12,638
BID	HOSE	45.6	2,954,000	21.8	2.7	130,500	95,300	230,669	16.85	2,090	17,073
BAB	HNX	22.5	37,105	23.3	1.9	-	-	16,946	-	964	12,018
ACB	HOSE	34.6	5,857,600	9.7	2.1	-	-	93,487	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	17.1	1,199,752	7.6	1.0	-	-	16,090	14.22	2,238	16,828
			131,887,287	16.23	2.04	3,409,600	2,566,500	2,005,366		2,310	15,873



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BDB	HNX	28/02/2022	1/3/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VIX	HOSE	24/02/2022	25/02/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	KKC	HNX	23/02/2022	24/02/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100000:10819	Thưởng cổ phiếu
5	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DNC	HNX	21/02/2022	22/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	USD	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	7/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 880 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ABB	UPCoM	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
13	APH	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Thưởng cổ phiếu
14	NTH	HNX	9/2/2022	10/2/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DL1	HNX	9/2/2022	10/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	MRF	UPCoM	9/2/2022	10/2/2022	22/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	ITD	HOSE	8/2/2022	9/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	DPM	HOSE	27/01/2022	28/01/2022	16/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TRS	UPCoM	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	TNH	HOSE	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
23	DNH	UPCoM	25/01/2022	26/01/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HGC	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022	11/2/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HCD	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	KST	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
27	VCP	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000000:1136365	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	SAM	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:439	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931